TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2017/DSST
Ngày 05-10-2017
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Ông Đỗ Văn Tha
- *Các hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Cao Thị Hồng Châu
2. Ông Trương Minh Mẫn

***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Ấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L – SN: 1977 – Có mặt
Địa chỉ: SN M đường N, Tp. B, tỉnh ĐắkLắk.
Bị đơn:
1. Chị H' G Ayũn – SN: 1992 – Có mặt
2. Bà H' B Ayũn – SN: 1970 – Có mặt
Cùng địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Người làm chứng:
1. Anh Y' T Bkrông – SN: 1985 – Có mặt
2. Chị H Y Niê – SN: 1991 – Có mặt
Địa chỉ: Buôn Y, xã E, huyện K, tỉnh ĐắkLắk.
3. Anh Y N Niê – SN: 1997 – Có mặt
Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
Người phiên dịch: Ông Y L Niê – Thư ký tòa án nhân dân huyện CưM'gar – Có mặt
Địa chỉ: Buôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/6/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Vào ngày 18/02/2017 tôi có cho chị H' G Ayũn và bà H' B Ayũn vay số tiền 1.500.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả là 20 ngày tính từ ngày 18/02/2017 đến ngày 08/3/2017, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi suất, tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H' G Ayũn. Tôi có nhờ chị H Y là người đi cùng viết giúp giấy vay tiền với nội dung hai bên thỏa thuận như trên, sau đó chị H' G, bà H' B ký xác nhận dưới mục người vay tiền. Khi tôi giao đủ số tiền 1.500.000.000đ cho chị H' G và bà H' B thì chị H' G có giao cho tôi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H' G. Việc này ngoài tôi, chị H' G Ayũn và bà H' B Ayũn còn có vợ chồng anh Y T Bkrông, chị H Y Niê chứng kiến. Đến thời hạn trả thì chị H' G, bà H' B không trả được bất cứ khoản tiền nào cho tôi, nay tôi đề nghị Tòa án buộc chị H' G Ayũn và bà H' B Ayũn trả cho tôi số tiền tiền gốc là 1.500.000.000đ về tiền lãi suất tôi không yêu cầu.

Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017 và trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn chị H' G Ayũn trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L thì tôi không đồng ý, giấy vay tiền bà L cung cấp đề ngày 18/02/2017 tôi xác nhận chữ ký là của tôi và mẹ tôi nhưng tôi không nhận tiền của bà L. Nguồn gốc giấy vay tiền đề ngày 18/02/2017 mà bà L cung cấp là do vào lúc 14 giờ ngày 26/6/2017 vợ chồng anh Y T Bkrông, chị H' Y Niê đến nhà tôi và yêu cầu tôi và mẹ tôi ký vào giấy vay này cho vợ chồng chị H' Y đi vay tiền của đại lý giúp tôi để trả số nợ 360.000.000đ cho vợ chồng chị H' Y vì trước đây tôi có vay tiền của vợ chồng chị H Y. Lúc đó tôi và mẹ tôi không nhận bất cứ khoản tiền nào từ vợ chồng chị H' Y. Việc này ngoài mẹ tôi và tôi thì có chồng tôi là anh Y N Niê chứng kiến. Sau đó thì chị H' Y nói rằng không vay được của bất cứ ai.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số xx tờ bản đồ số xx diện tích 17.860m^2 tại xã E đứng tên tôi hiện nay bà L đang giữ là do vợ chồng chị H' Y đưa cho bà L vì trước đó tôi vay tiền của vợ chồng chị H' Y và thế chấp tài sản này cho họ.

Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017 và trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn bà H' B Ayũn trình bày:

Tôi đồng ý với lời trình bày của con gái tôi là H' G Ayũn và không bổ sung gì thêm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L thì tôi không đồng ý vì tôi không vay tiền của bà L, đối với giấy vay tiền bà L cung cấp đề ngày 18/02/2017 tôi xác nhận chữ ký là của tôi và con tôi nhưng chúng tôi không nhận tiền của bà L.

Người làm chứng chị H Y Niê trong quá trình tiến hành tố tụng trình bày:

Vào ngày 18/02/2017 bà L có nhờ vợ chồng tôi cùng đi xuống nhà chị H' G ở buôn T, xã E để cho chị H' G Ayũn, bà H' B Ayũn vay tiền. Số tiền cụ thể mà bà

L cho chị H’ G, bà H’ B vay là 1.500.000.000đ. Lúc đó bà L có nhờ tôi viết giấy vay tiền theo nội dung hai bên thỏa thuận về việc vay tiền này. Tôi chứng kiến việc bà L giao đủ số tiền 1.500.000.000đ cho chị H’ G Ayŭn, bà H’ B Ayŭn và việc chị H’ G, bà H’ B ký xác nhận vào giấy vay; chị H’ G Ayŭn giao lại cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H’ G để thế chấp.

Đối với việc chị H’ G Ayŭn, bà H’ B Ayŭn cho rằng có vay của vợ chồng tôi số tiền 360.000.000đ là không đúng. Vào ngày 17/4/2017 chị H’ G Ayŭn, bà H’ B Ayŭn có vay của vợ chồng tôi số tiền 552.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn trả là 30 ngày, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Chị H’ G Ayŭn, bà H’ B Ayŭn có cam kết là giao tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên H’ G Ayŭn thửa số xx tờ bản đồ số xx diện tích 17.860m^2 đất tại xã E, huyện C nếu đến hạn mà không trả được thì chị H’ G sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho tôi để cấn trừ nợ, tuy nhiên chị H’ G nói rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không mang theo nên hứa sẽ đưa sau cho tôi. Sau thời hạn này chị H’ G không trả được nợ cũng không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi tôi yêu cầu chị H’ G làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho tôi thì được biết là quyền sử dụng đất đã bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn không cho chuyển nhượng.

Việc vợ chồng tôi cho chị H’ G Ayŭn, bà H’ B Ayŭn vay số tiền 552.000.000đ và việc bà L cho chị H’ G Ayŭn, bà H’ B Ayŭn vay số tiền 1.500.000.000đ không liên quan gì với nhau, đây là hai khoản nợ riêng.

Đối với việc chị H’ G Ayun, bà H’ Brvăt Ayun nợ tiền của vợ chồng tôi thì tôi không có ý kiến gì, tôi sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Người làm chứng anh Y T Bkrông trong quá trình tiến hành tố tụng trình bày:

Tôi hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của vợ tôi là chị H’ Y Niê, không có ý kiến gì bổ sung.

Người làm chứng anh Y N Niê trong quá trình tiến hành tố tụng trình bày:

Vào lúc 14 giờ ngày 26/6/2017 khi tôi đi làm rẫy về thì thấy vợ chồng anh Y T Bkrông, chị H’ Y Niê đến nhà tôi, đến làm gì thì tôi không biết tôi chỉ thấy chị H Y đưa cho vợ tôi và mẹ vợ 01 giấy, nội dung giấy như thế nào thì tôi không biết vì tôi không biết đọc. Sau đó H Y đề nghị vợ tôi và mẹ vợ tôi ký tên vào giấy này, tôi chỉ chứng kiến việc mẹ vợ tôi và vợ tôi ký tên vào giấy do chị H Y đưa, sau đó thì vợ chồng chị H Y về. Việc vay tiền giữa bà H’ B Ayŭn, H’ G Ayŭn với vợ chồng ông Y T Krông, H’ Y Niê thì tôi có biết vì nghe vợ kể lại còn việc vay tiền giữa bà H’ B Ayŭn, H’ G Ayŭn với bà Lê Thị L thì tôi không biết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Người làm chứng: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 288, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 470 BLDS năm 2015.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị H' G Ayŭn, bà H' B Ayŭn phải trả cho bà Lê Thị L số tiền 1.500.000.000đ. Bà L có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H'G Ayŭn, sau khi bà H' B Ayŭn và chị H' G Ayŭn thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Giấy vay tiền lập ngày 18/02/2017 thể hiện chị H' G Ayŭn, bà H' B Ayŭn vay của bà Lê Thị L số tiền 1.500.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả là 20 ngày tính từ ngày 18/02/2017 đến ngày 08/3/2017, hai bên không thỏa thuận về tiền lãi suất, tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Cư M'gar cấp số CA XXXXXX thửa số xx, tờ bản đồ số xx diện tích 17.860m^2 tại xã E, huyện C đứng tên chị H' G Ayŭn. Đến nay chị H' G Ayŭn, bà H' B Ayŭn chưa trả khoản tiền vay trên cho bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Chị H' G Ayŭn, bà H' B Ayŭn cho rằng không vay tiền của bà L mà vào chiều ngày 26/6/2017 vợ chồng anh Y T Bkrông, chị H' Y Niê đến nhà và yêu cầu chị H' G, bà H' B ký vào giấy vay này để vợ chồng chị H' Y đi vay tiền của đại lý giúp. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H'G thửa số xx tờ bản đồ số xx diện tích 17.860m^2 đất tại xã E, huyện C mà bà L đang giữ, chị H' G và bà H' B cho rằng trước đây có vay tiền của vợ chồng anh Y T Bkrông, chị H' Y Niê số tiền 360.000.000đ và thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị H' G cho vợ chồng anh Y T, chị H Y , hiện nay bà L đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là do chị H' Y đưa cho bà L. Không có việc chị H' G, bà H' B vay số tiền 1.500.000.000đ của bà L và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Lời khai của chị H' G Ayŭn, bà H' B Ayŭn không được nguyên đơn bà Lvà người làm chứng là vợ chồng anh Y T Bkrông, chị H' Yêm

Niê thừa nhận. Chị H’ G Ayũn và bà H’ B Ayũn cũng không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh cho việc này.

Anh Y N Niê cho rằng vào chiều ngày 26/6/2017 thấy Y T Bkrông cùng H’ Y đến nhà mình và đưa cho bà H’ B Ayũn, chị H’ G Ayũn 01 tờ giấy và yêu cầu bà bà H’ B, chị H’ G ký tên, về nội dung thì anh không biết vì anh không biết chữ. Lời khai của anh Y N không được nguyên đơn bà L và người làm chứng là vợ chồng anh Y T Bkrông , chị H’ Y Niê thừa nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L đề nghị Tòa án buộc chị H’ G Ayũn, bà H’ B Ayũn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 1.500.000.000đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà L có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H’G Ayũn, sau khi bà H’ B Ayũn và chị H’ G Ayũn thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Về lãi suất, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị H’ G Ayũn, bà H’ B Ayũn phải chịu án theo quy định của pháp luật: [36.000.000đ + 3%(1.500.000.000đ – 800.000.000đ) = 57.000.000đ.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ các Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L;

Buộc chị H’ G Ayũn và bà H’ B Ayũn có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền 1.500.000.000 đồng(Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA XXXXXX thửa số xx, tờ bản đồ số xx, diện tích 17.860m^2 tại xã E, huyện C mang tên chị H’ G Ayũn cho chị H’G Ayũn, sau khi bà H’ B Ayũn và chị H’ G Ayũn thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Về án phí: Chị H’ G Ayũn và bà H’ B Ayũn phải nộp 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị L được nhận lại 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0042325 ngày 27/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật THADS".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

ĐỖ VĂN THA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- THADS huyện;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT;